

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2021/HNGĐ - ST
Ngày 10 - 11 - 2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Kiên Nhẫn
2. Ông Trần Văn Thơi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 154/2021/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 2000 – vắng mặt

Bị đơn: Anh Trần Văn T1, sinh năm 1993 – vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã M, huyện Y, tỉnh V

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/4/2021 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh T1 cưới nhau vào năm 2018, hôn nhân do quen biết, chị T và anh T1 tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 29/10/2018 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh V. Thời gian vợ chồng hạnh

phúc khoảng 02 năm đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chị T trình bày là do anh chị bất đồng quan điểm sống với nhau, thường xuyên cự cãi với nhau, anh T1 không quan tâm chăm sóc chị và con, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt không thể khắc phục được. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Chị T và anh T1 có một người con chung tên là Trần Gia H, sinh ngày 06/02/2019, hiện nay do chị T nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Bị đơn là anh T1: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 196, Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh T1, nhưng anh T1 không có ý kiến gì bằng văn bản và vắng mặt đến lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm d khoản 3 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đã được Tòa án công khai tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 08/7/2021.

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

Về hôn nhân: Căn cứ vào bản chính Giấy trích lục kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích T với anh Trần Văn T1 được Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh V cấp ngày 29/10/2018 thì chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp.

Về con chung: Căn cứ vào trích lục khai sinh được Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh V cấp ngày 18/02/2019 thì cháu Trần Gia H là con chung của chị Nguyễn Thị Bích T và anh Trần Văn T1.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự thống nhất, không thống nhất:

Trong quá trình giải quyết vụ án anh T1 không có ý kiến bằng văn bản và vắng mặt, do đó không xác định được sự thống nhất và không thống nhất của các đương sự trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện của Nguyễn Thị Bích T yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T1 là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân

sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tam Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2]. *Về trình tự, thủ tục tố tụng*: Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần nên vụ án không thuộc T1 hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho anh T1, nhưng anh T1 vẫn vắng mặt cả hai lần không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T1.

Ngày 08/7/2021 chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị T.

[2]. *Về yêu cầu của đương sự*:

- Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị T với anh T1 là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 là do bất đồng quan điểm sống với nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gây gắt không thể khắc phục được. Trong thời gian ly thân chị T và anh T1 không quan tâm chăm sóc với nhau, không tự đoàn tụ được với nhau. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T1. Xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 2, Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T với anh T1; cho chị T được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của chị T là cháu Trần Gia H, sinh ngày 06/02/2019 là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, từ khi ly thân đến nay cháu H do chị T nuôi dưỡng; nhằm tránh xáo trộn và căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu H, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Gia H, sinh ngày 06/02/2019 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T1 không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T với anh Trần Văn T1.

1.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Trần Văn T1.

1.2. Về con chung: Giao cháu Trần Gia H, sinh ngày 06/02/2019 cho chị Nguyễn Thị Bích T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Bích T không yêu cầu Trần Văn T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị Bích T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số N 0010995 ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên chị T không phải nộp thêm.

3. T1 hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Bích T với anh Trần Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Đường sự;
- UBND xã M, huyện Y, tỉnh V;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Nguyễn Văn Cảnh